



NHẬN THỨC VỀ QUÁ TRÌNH TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1911-1920

ĐỖ THỊ THU HẰNG*

1. Nguyễn Tất Thành tiếp thu truyền thống yêu nước bằng tình cảm và ý chí của một người có tầm nhìn thời đại

Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam được vun đắp qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Về giá trị to lớn của truyền thống đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Dân tộc ta một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” (1). Nhưng tiếp thu truyền thống đó ở mỗi thời đại, thế hệ, thậm chí mỗi con người cũng có sự khác nhau. Sự khác nhau đó bị chi phối bởi yếu tố thời đại và sự nhận thức về chính thời đại ấy. Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858-1883). Người lớn lên trong lúc phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra quyết liệt sôi nổi từ Bắc đến Nam như khởi nghĩa của các sĩ phu yêu nước: Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Thủ Khoa Huân, Nguyễn Thiện Thuật... Đây cũng là lúc chủ nghĩa yêu nước Việt Nam được tầng lớp sĩ phu khơi dậy và thổi thành ngọn lửa đấu tranh cứu nước. Cũng như những người thanh niên khác, Nguyễn Tất Thành rất khâm phục những lãnh tụ khởi nghĩa, rất kính trọng những vị quan có tinh thần yêu nước từ bỏ

chôn quan trường để chiêu binh khởi nghĩa, yêu mến và cảm phục những nghĩa quân vốn là những người nông dân vì nghĩa lớn mà coi thường cái chết. Người cũng vô cùng ngưỡng mộ những ông vua dám từ bỏ ngai vàng kêu gọi toàn dân chống Pháp... Có thể nói đây chính là *sự tác động thứ nhất*, sự tác động này vừa bồi đắp, vừa khơi dậy trong Người một tình cảm yêu nước thương dân căm thù bọn xâm lược. Nguyễn Tất Thành tiếp thu những bài giảng của thầy Vương Thúc Quý, sự giáo dục từ ông ngoại và cha, đặc biệt thông qua những buổi đàm đạo về thời thế của cha với những người khoa cử trong vùng như: Nguyễn Quý Song, Phan Bội Châu... Nguyễn Tất Thành đã có những nhận thức mới về “yêu nước” về “thương dân”, đặc biệt là làm sao để giải phóng được những hạn chế mà cả dân tộc đang không tìm thấy, không giải quyết được như yêu nước tại sao không giữ được nước? Căm thù giặc sao vẫn cúi đầu làm tôi cho giặc? Những cuộc khởi nghĩa quật khởi thừa ý chí, thừa sự hy sinh sao vẫn thất bại?... Từ những nhận thức mới “về lập trường yêu nước” của những người đương thời dù vô cùng kính trọng, khâm phục, nhưng Người vẫn thấy được những mặt hạn chế của họ trong tình hình mới. Phan Bội Châu muốn dựa vào Nhật để đánh Pháp khác nào “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”; Phan Chu Trinh muốn dựa vào Pháp để đánh đổ phong kiến Nam triều “chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương”;

* Ths, Phó Giám đốc Bảo tàng Hồ Chí Minh

kể cả người anh hùng nông dân Hoàng Hoa Thám “vẫn còn nặng cốt cách phong kiến”. Có thể xem đây là *sự tác động thứ hai*. Chính sự tác động này đã khẳng định một tư duy mới về truyền thống yêu nước, giải quyết được mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, có đối chiếu, so sánh để tìm ra những yếu tố mới, xu thế mới để xác định được hướng đi và bước đi sau này. Ở một nội dung khác cũng rất đáng lưu ý khi phân tích sự tác động của truyền thống yêu nước đối với Người, đó là sự xuất hiện bất rỗi của “Tây học” song song với “Nho học” tạo ra những ảnh hưởng không nhỏ đối với những người yêu nước đương thời. Nguyễn Tất Thành tuy được bắt đầu bằng một nền giáo dục nho giáo nhưng đồng thời vẫn tiếp thu “tân học” một cách chủ động có ý thức, bắt đầu từ người thầy nho học tiền bối của mình là Tiến sĩ Nguyễn Quý Song. Người thầy dạy chữ quốc ngữ và chữ Pháp đầu tiên cho Nguyễn Tất Thành rồi sau đó đến những chương trình chính thức ở trường Tiểu học Vinh, Tiểu học Đông Ba và cuối cùng là Trường Quốc học Huế. Nguyễn Tất Thành đã thực sự tiếp xúc và tiếp thu một nền giáo dục tân học. Chính sự tiếp thu này đã tác động không nhỏ đến nhận thức về “yêu nước”, “thương dân” của Người. Những ảnh hưởng mới về thời thế, về xã hội, giai cấp. Cảm nhận rõ hơn về thân phận, dân tộc mình và cả những gì đang diễn ra sôi động ở thế giới bên ngoài mà vừa xa lạ, vừa cần thiết cho công cuộc cứu nước... Như sau này, Người đã nói: “Vào trạc tuổi 13, lần đầu tiên tôi được nghe những từ Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái... Thế là tôi muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn xem những gì ẩn náu đằng sau những từ ấy” (2). Có thể xem đây là *sự tác động thứ ba*, đã làm cho Nguyễn Tất Thành có cái nhìn hoàn toàn mới mẻ về chủ nghĩa yêu nước truyền thống và chủ nghĩa yêu nước trong thời đại mới. Sự tác động này giúp Người càng quyết tâm, khẳng định không thể theo lối cũ của các tiền nhân, dù đó là những nhà yêu nước vĩ đại của dân tộc.

Như vậy, khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành chỉ có một thứ hành trang duy nhất là lòng yêu nước, thương dân hay còn gọi là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Nhưng cái chủ nghĩa yêu nước ấy được thông qua sự tiếp thu, sự sàng lọc thực tiễn và lăng kính của thời đại mới. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với Nguyễn Tất Thành đã chứa đựng các giá trị mới, tinh thần mới, có hơi thở của thời đại mới. Bởi vậy mới trở thành cơ sở, một bộ phận của con đường giải phóng tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc ngày nay.

2. Việc lựa chọn phương Tây đã tạo điều kiện cho Nguyễn Tất Thành làm phong phú dần nhận thức của mình về một cuộc cách mạng tương lai

Quyết định đi về phía trời Tây là quyết định hoàn toàn mới mẻ, ngược với truyền thống “xuất dương” của các thế hệ trước là Nhật, Tàu, Xiêm. Đây là sự dấn thân vào một thế giới còn rất xa lạ với nhân dân ta, một thế giới mà văn hóa học thuật hoàn toàn khác với các giá trị của Việt Nam ta nếu không muốn nói là đối lập và hoàn toàn không có sự giao lưu nào cả. Ngày 5-6-1911, Người xuống làm phụ bếp cho tàu buôn “Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin” với tên gọi Văn Ba. Sau hơn một tháng, Người đến bến Đa-răng trong cảng Mác-xây. Đất Pháp lần đầu tiên đến, lạ lẫm và ngỡ ngàng với Người. Nhưng chủ định từ khi lên tàu với sự trấn trờ: “đằng sau những từ Tự do - Bình đẳng - Bác ái” ấy là gì? Nguyễn Tất Thành đã có những nhận xét đầu tiên: “Thì ra, người Pháp ở bên Pháp không ác như thực dân Pháp ở Việt Nam. Thì ra, bên Pháp cũng có người nghèo như bên ta” (3). Đến Lơ Havơ, Người có thể lên tàu trở về Việt Nam nếu muốn, nhưng Người chấp nhận khó khăn và nguy hiểm, chấp nhận con đường “tự nguyện vô sản hóa để thực hiện mục đích cao cả của đời mình, đồng thời cũng là mục đích chung của cả dân tộc là Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” (4). Để được đi nhiều, nhìn thấy nhiều, hiểu biết nhiều, Nguyễn Tất Thành trở lại làm thủy thủ cho một tàu chở hàng của hãng Năm Sao chạy vòng quanh châu Phi. Nguyễn Tất Thành qua hầu hết các thuộc địa của Pháp, ở đâu, Người cũng được chứng kiến cảnh nghèo khổ của nhân dân lao động. Ở đâu, Người cũng rơi nước mắt trước những người nô lệ, bị đối xử quá bất công và tàn nhẫn. Theo Người, chính những người da đen là những người bị bản cùng hóa triệt để nhất, họ bị đối xử như những con vật chứ không phải con người. Sau này khi viết về những cảnh đời đen bạc đó, Người viết: “Khi chép những đoạn này tôi run lên, mắt mờ lệ, nước mắt chảy xuống hòa với mực. Tôi không thể nào viết được nữa. Ôi! nước Pháp đau khổ! Đông - Tây đau khổ! Nhân loại đau khổ!” (5). Con tàu đưa Nguyễn Tất Thành vượt Đại Tây Dương đến nước Mỹ, nơi được mệnh danh là “thế giới tự do” nhưng trong mắt Người, nó không phải thế, ngay phía sau tượng thần Tự do, ở ngay lối vào cảng Niu-oóc là đầy rẫy những tội ác, bất công và điều Người không ngờ nhất là ngay trên đất Mỹ, chủ nghĩa đế quốc đang phục hồi lại chế độ nô lệ. Và Người đi đến kết luận: “Tất cả bọn đế quốc đều phản động và tàn ác” (6). Rời Mỹ, Nguyễn Tất Thành

trở về Anh - một đế quốc rất “giàu có” về thuộc địa “mặt trời không bao giờ tắt trên đế quốc Anh”. Một nước công nghiệp phát triển hàng đầu trên thế giới tư bản, nhưng nước Anh cũng không phải là thiên đường cho tất cả mọi người. Nước Anh cũng không mẫn mà hào phóng gì với Người cả. Để sống, Người phải làm đủ nghề: cào tuyết giữa mùa đông giá lạnh, đốt than và xúc than dưới hầm tối, rồi làm thuê ở khách sạn Dray-ton Cốc, làm phụ bếp ở khách sạn Các-ton... Nước Anh, đằng sau những khu nhà trâm mặc uy nghi là một cuộc sống vất vả và lam lũ của những người nghèo, những người công nhân và những thuộc địa từ khắp thế giới. “Nước Anh không thiếu những người nghèo!”. Đó là điều Nguyễn Tất Thành tâm sự thật thà với người đầu bếp đáng kính E-xcôp-phi-e... Nguyễn Tất Thành nhận thức được rằng: ở phương Đông hay ở phương Tây, ở đâu cũng có người nghèo, những người bị bóc lột và áp bức, nhưng những người dân thuộc địa chính là những người bị bóc lột nặng nề nhất, họ bị ngược đãi nhất. Chủ nghĩa tư bản dù ở Anh, Pháp, hay Mỹ cũng đều là bọn xâm lược và bọn áp bức thống trị, tham lam và độc ác. Người có một kết luận quan trọng là: Trên đời này chỉ có 2 giống người, đó là những kẻ đi xâm lược và những người bị áp bức, cũng chỉ có một thứ tình là tình hữu ái giai cấp mà thôi. Hằng ngày, ngoài những giờ làm việc vất vả, Nguyễn Tất Thành vẫn giành thời gian để học tiếng Anh và tập diễn thuyết ngoài trời. Và rất nhiều lần lặng im trước tượng Các Mác với dòng chữ vàng bắt hủ của ông: “Các nhà triết học mới chỉ giải thích thế giới bằng những cách khác nhau, điều quan trọng là phải biến đổi nó”. Với Người, đúng là còn mới và lạ lắm, nhưng rõ ràng có một cái gì đó đang nhen nhóm, đang bùng sáng lên trong trái tim và khối óc của con người Việt Nam trác tuyệt này.

3. Từ một thanh niên yêu nước nông nản, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường giải phóng cho nhân dân Việt Nam

Năm 1914, Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất bùng nổ. Đây là cuộc chiến của các nước đế quốc tranh giành thuộc địa. Trong thư gửi cụ Phan Chu Trinh vào tháng 8-1914, Người viết: “Tiếng súng đã rền vang. Thấy người đang phủ đất. Năm nước lớn đang đánh nhau, chín nước đã vào vòng chiến, cháu bỗng nhớ cách đây vài tháng cháu đã nói với Bác về con giông sấm động” (7). Lúc này ở London, với ảnh hưởng của cuộc chiến, phong trào công nhân Anh hoạt động sôi nổi, các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn liên tục tổ chức diễn thuyết, tranh luận công khai về cuộc chiến...

Nguyễn Tất Thành đã không bỏ qua cơ hội này. Với tâm mắt của Người, giúp Người hiểu nhanh mọi sự kiện và đưa Người đến gần những quan điểm tiên bộ nhất của thời đại. Cuối năm 1917, chiến tranh thế giới vào giai đoạn quyết liệt nhất, Nguyễn Tất Thành rời London về Paris. Người ý thức được rằng Paris luôn là trung tâm của châu Âu, những diễn biến chính trị sẽ dồn về Paris - quê hương của Công xã 1871. Hơn thế, Paris lúc này đang tập trung nhiều người Việt Nam yêu nước sinh sống, trong đó có những người rất kính trọng như: Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền... và hàng vạn người Việt Nam bị bắt làm bia đỡ đạn cho thực dân Pháp trong cuộc đại chiến dã man này. Ở Paris, Nguyễn Tất Thành sống chung với cụ Phan Chu Trinh và luật sư Phan Văn Trường tại số 6 phố Vi-la Dơ Gô-bơ-lanh nhưng Người không tán đồng với quan điểm của hai người này. Người dành nhiều thời gian đi sâu sát những khu vực có đông người Việt để vận động cổ vũ tinh thần yêu nước, tố cáo tội ác của bọn thực dân đế quốc, dần dần, mọi người yêu quý tin tưởng và Người trở thành linh hồn của “Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp”. Trong một báo cáo của mật thám Pháp đã khẳng định: “Nguyễn Ái Quốc (tên của Nguyễn Tất Thành lúc trở về Pháp) nổi lên là người lãnh đạo có uy tín đối với người Việt tại Pháp, trong khi vai trò của Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường lu mờ dần” (8). Nguyễn Ái Quốc không ngừng mở mang những hiểu biết của mình bằng việc tích cực tham gia các câu lạc bộ, tham gia diễn thuyết tranh luận tại các cuộc mít tinh, hội họp, ham mê đọc báo chí cánh tả, trong đó đặc biệt là những tác phẩm của nhà văn phản chiến Hăng-ri-ê, đảng viên Đảng Xã hội Pháp, với Mác-xen Ca-sanh một nhà cách mạng nổi tiếng, với Ga-xtông Mông-mát-xô chủ bút báo “Đời sống công nhân”; với Grăngcôngxê cháu ngoại Các Mác chủ nhiệm báo “Dân chúng”; với Mô-nét và Buốc-đơ-rông... Từ những mối quan hệ này mà Nguyễn Ái Quốc dần dần đi vào môi trường hoạt động chính trị sôi động và Người đã tìm thấy những điều quan trọng, đó là sự gần gũi giữa giai cấp vô sản Pháp với nhân dân thuộc địa; đó là ở Pháp còn có những đảng phái, những tổ chức cảm thông chia sẻ với nhân dân thuộc địa và không ủng hộ chính sách thuộc địa của chính phủ Pháp. Và điều Nguyễn Ái Quốc phấn khởi nhất là những lời tố cáo của Người về chính sách độc ác của chủ nghĩa thực dân Pháp tại Đông Dương, nỗi thống khổ của nhân dân thuộc địa... được những người bạn Pháp rất lắng nghe và chia sẻ ủng hộ. Năm 1918, Nguyễn Ái Quốc được

kết nạp vào Đảng Xã hội Pháp. Người hòa mình vào cuộc đấu tranh rầm rộ của Đảng Xã hội và của các công đoàn Pháp... Chính trong cuộc đấu tranh này, Nguyễn Ái Quốc đã hiểu thế nào là xung đột và đấu tranh giai cấp. Người viết nhiều bài trên báo *Dân chúng*, *Đời sống thợ thuyền*, *Nhân đạo*... càng ngày, Người càng thấy được thứ vũ khí lợi hại của ngòi bút. Người hăng say, viết và cung cấp tư liệu cho những nhà báo tiên bộ viết. Những bài báo chính luận của Nguyễn Ái Quốc như: “Tâm địa thực dân”; “Bình đẳng”; “Vực thẩm thuộc địa”; “Hành hình kiểu Lyn-xơ”; “Một phương diện ít người biết đến của nền văn minh Mỹ”; “Công cuộc khai hóa giết người”... đã làm xúc động cả thế giới, gây được tiếng vang lớn đối với công luận Pháp và đặc biệt là đối với Đảng Xã hội Pháp. Năm 1919, Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất kết thúc, các nước thắng trận họp nhau tại Vécxay, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy đây là thời cơ tốt để quốc tế hóa vấn đề Việt Nam và Đông Dương, ký tên vào “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”. Nguyễn Ái Quốc không hề ảo tưởng vào “lòng tốt” của chủ nghĩa đế quốc, nhưng ít ra cũng đề thế giới quan tâm đến nhân dân các nước thuộc địa, chú ý đến một xứ sở là Việt Nam, nhân dân yêu cầu được độc lập, đang đấu tranh vì hòa bình và tự do cho chính bản thân họ. Liên sau đó, Nguyễn Ái Quốc bỏ toàn bộ số tiền tích cóp được để in 6.000 yêu sách gửi tới các báo chí, gửi đến các Hội nghị chuyển cho các chính khách... Bản yêu sách đó gây được tiếng vang lớn, làm cho Việt kiều ở Pháp vui mừng và làm cho bọn thực dân lỏng lẻo. Với những thắng lợi ban đầu, Nguyễn Ái Quốc càng hăng hái tham gia các hoạt động chính trị khác. Người tích cực có mặt tại các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ Phô-bua, nơi tập trung rất nhiều các nhà chính trị, các nhà văn hóa và nghệ thuật. Rồi nhờ Pôn Vang-ăng Cu-tuya-riê, Người xin được thẻ đọc thường xuyên tại Thư viện Quốc gia Paris. Có thể đây là những ngày tháng Nguyễn Ái Quốc được mở rộng tầm nhìn nhất, thu nhận được nhiều tri thức nhất, giải quyết được nhiều băn khoăn, thắc mắc nhất. Như Pôn Vang-ăng Cu-tuya-riê kể lại: Anh Nguyễn vui đầu trong thư viện từ sáng sớm đến tối khuya, ngày nào cũng vậy (!)... Một hôm Nguyễn Ái Quốc đọc được trên báo Nhân đạo - cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp in toàn văn bản: “Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I. Lênin. Đó là vào ngày 16 và 17-7-1920. Anh đọc như uống từng câu, từng chữ của Lênin, háo hức, say xura và xúc động... như anh kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn

khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ Ba” (9). Tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi ủng hộ Quốc tế thứ Ba, ủng hộ Lênin và Người đã trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, lúc đó là 2h30 phút sáng ngày 30-12-1920 tại thành phố Tua. Chính Chủ nghĩa Lênin đã soi sáng Nguyễn Ái Quốc, giúp Người hệ thống lại những nhận xét thành quan điểm, thành tư tưởng. Từ những nhận định: “nhân dân các nước thuộc địa dù màu da có khác nhau, tiếng nói có khác nhau, nhưng đều bị chủ nghĩa đế quốc bóc lột tàn tệ như nhau”, hoặc “trên đời này chỉ có 2 giống người đó là những kẻ đi xâm lược và những người bị áp bức”, “và chỉ có một thứ tình là tình hữu ái giai cấp”; rồi “phong trào công nhân ở chính quốc không thể tách rời phong trào công nhân ở các thuộc địa nên muốn đánh đổ chủ nghĩa tư bản; rồi “chủ nghĩa tư bản là con đỉa có một vòi bám vào giai cấp vô sản chính quốc và một vòi hút máu nhân dân thuộc địa”... Và đi đến một kết luận có tính nguyên lý là: “Chỉ có giải phóng được giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới” (10).

Thế là, từ một người yêu nước chân chính, có trí thức rất táo bạo trong việc quyết định lựa chọn con đường sang phương Tây. Tự nguyện đi theo “vô sản hóa” để lao động, học hỏi, khám phá thế giới thuộc địa, và trưởng thành trong phong trào công nhân, phong trào cách mạng ở các nước Âu, Mỹ. Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường giải phóng cho nhân dân ta và nhân dân các nước thuộc địa khi Người vừa tròn 29 tuổi ■

Đ.T.T.H

1, 2. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.171, 477.

3, 6, 7, 8. Hồng Hà, *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr.28, 31, 36, 52.

4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2003, tr.45.

5, 10. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.52, 416.

9. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996, tr.127.